

Số: 699/TTr-UBND

An Giang, ngày 11 tháng 7 năm 2024

## TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết quy định về mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở đào tạo công lập khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm học 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết về mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở đào tạo công lập khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm học 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang, như sau:

## I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Tại điểm b khoản 6 Điều 99 Luật Giáo dục năm 2019:

**“Điều 99. Học phí, chi phí của dịch vụ giáo dục, đào tạo**

6. Cơ chế thu và quản lý học phí, các khoản thu dịch vụ trong hoạt động giáo dục được quy định như sau:

b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập theo thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;”

Tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP:

**“Điều 8. Nguyên tắc xác định học phí**

1. Đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập.

Mức thu học phí được xây dựng theo nguyên tắc chia sẻ giữa nhà nước và người học, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của từng địa bàn dân cư, khả năng đóng góp thực tế của người dân và tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm, lộ trình tính giá dịch vụ giáo dục, đào tạo theo quy định và bảo đảm chất lượng giáo dục.”

Tại khoản 6 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP:

“6. Đối với cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn. Đối với các loại hình giáo dục thường xuyên khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt mức thu cụ thể phù hợp với từng loại hình đào tạo và điều kiện thực tế của từng địa bàn.”

Tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 97/2023/NĐ-CP:

“1. Sửa đổi khoản 3 Điều 9 như sau: “3. Học phí từ năm học 2023-2024:

a) Đối với cơ sở giáo dục chưa tự bảo đảm chi thường xuyên: Giữ ổn định mức thu học phí từ năm học 2023-2024 bằng mức thu học phí của năm học 2021-2022 do Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành áp dụng tại địa phương.”

Từ các quy định nêu trên, việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định về mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở đào tạo công lập khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm học 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang là cần thiết, đúng với thẩm quyền của địa phương và phù hợp với quy định hiện hành.

## II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

### 1. Mục đích

Việc ban hành Nghị quyết để cụ thể hóa các quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang; đối tượng và cơ chế miễn, giảm học phí; tổ chức thu, quản lý và sử dụng học phí thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

## **2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản**

a) Việc xây dựng Nghị quyết tuân thủ trình tự, thủ tục xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Bảo đảm công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của cá nhân, tổ chức trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản.

c) Đảm bảo việc đóng học phí của người học phù hợp với mức sống, điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, phù hợp với quy định của Trung ương

d) Việc hỗ trợ học phí đảm bảo đúng đối tượng, đảm bảo tất cả trẻ em, học sinh, học viên trên địa bàn tỉnh đều được hưởng chính sách hỗ trợ

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN**

Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Giáo dục và Đào tạo đã trình Ủy ban nhân dân tỉnh lập đề nghị trình Hội đồng nhân dân xây dựng Nghị quyết, Tờ trình số 426/TTr-UBND ngày 02 tháng 5 năm 2024 và được chấp thuận chủ trương xây dựng Nghị quyết tại Văn bản số 82/HĐND-TT ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Sở Giáo dục và Đào tạo dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết gửi đăng tải dự thảo trên Cổng thông tin điện tử tỉnh; đồng thời gửi đến các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân, Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố và các cơ sở giáo dục để lấy ý kiến góp ý.

Trên cơ sở tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến đóng góp các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân, Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố và các cơ sở giáo dục. Sở Giáo dục và Đào tạo hoàn chỉnh dự thảo và các tài liệu có liên quan, gửi hồ sơ đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo tại Công văn số 1549/SGDĐT-KHTC ngày 08 tháng 5 năm 2024.

Ngày 10/5/2024, Sở Tư pháp có Báo cáo số 127/BC-STP về kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua kỳ họp giữa năm Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X xem xét, quyết nghị.

## **IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Nội dung cơ bản của Nghị quyết quy định về mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở đào tạo công lập khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm học 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang gồm có 05 Điều, như sau:

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định về mức học phí năm học 2024 - 2025 đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Đối tượng áp dụng: Trẻ em, học sinh, học viên đang học tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh An Giang

### **Điều 2. Quy định mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang**

1. Mức học phí này áp dụng đối với hình thức học trực tiếp và trực tuyến tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên:

*Đơn vị tính: đồng/học sinh/tháng*

STT	Vùng (địa bàn)		Nhà trẻ	Mẫu giáo bán trú	Mẫu giáo 3, 4 tuổi	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
1	Thành thị	Phường thuộc thành phố, thị xã	120.000	180.000	120.000	60.000	75.000
		Thị trấn thuộc huyện	75.000	135.000	65.000	60.000	60.000
2	Nông thôn	Xã thuộc thành phố, thị xã	75.000	135.000	65.000	60.000	60.000
		Xã thuộc huyện	40.000	75.000	45.000	30.000	30.000
3	Các xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi		15.000	40.000	20.000	20.000	20.000

2. Đối với cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo công lập khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn.

### **Điều 3. Đối tượng và cơ chế miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập; tổ chức thu, quản lý và sử dụng học phí**

Thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với

cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Cụ thể:

- Đối tượng được miễn, giảm học phí và hỗ trợ tiền đóng học phí: Thực hiện theo quy định tại Điều 15, 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Trẻ em mầm non 05 tuổi được miễn học phí từ năm học 2024 - 2025 (hưởng từ ngày 01 tháng 9 năm 2024).

- Cơ chế miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và hỗ trợ đóng học phí: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 và khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Điều 20 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

**Điều 4.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 5.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang Khóa X Kỳ họp thứ... thông qua ngày .... tháng ..... năm 2024, có hiệu lực từ ngày ... tháng .... năm 2024 và thay thế Nghị quyết số .../2024/NQ-HĐND ngày ... tháng ... năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2023 - 2024 trên địa bàn tỉnh An Giang.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập; cơ sở giáo dục thường xuyên và cơ sở đào tạo công lập khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm học 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh An Giang. Tờ trình này thay thế Tờ trình số 492/TTr-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT: TU, HĐND tỉnh (báo cáo);
- TT UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban VHXH - HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH - HĐND tỉnh;
- Các sở: GDĐT, TP, TC;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh
- Các phòng: KGVX, TH, KTTH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Phước**

*(Gửi kèm theo: Dự thảo Nghị quyết;  
Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân; Bản chụp ý kiến góp ý; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp)*